

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 3166/2026/DS -ST
Ngày: 15-07-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hạp Thị Thanh
2. Ông Phạm Quang Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2371/2026/TLST-DS ngày 26/12/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 718/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 05 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 514/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 06 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V
Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Nhật T (Có mặt)
Địa chỉ: Số A B L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Văn bản ủy quyền: 592 ngày 06/4/2026

Bị đơn: Ông Lê Tiến H, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số G Tỉnh lộ 10, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần V** (Gọi tắt **Ngân hàng V**) do ông **Trương Nhật T** là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/7/2023, **Ngân hàng V** có ký kết Hợp đồng tín dụng với ông **Lê Tiến H**, cụ thể : Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ **ngân hàng Đ** ký ngày 29/7/2023, số hợp đồng LN2307279838741. Số thẻ 273-P-7416066, ngày mở thẻ 31/7/2023. Theo đó hạn mức thẻ tín dụng là 100.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân và lãi suất là 39.48%/năm. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông **H** có thanh toán đúng thỏa thuận theo hợp đồng đã ký. Từ ngày 13/11/2024, ông **Lê Tiến H** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện về thời gian cho ông **H** trả nợ nhưng ông **H** vẫn không có phương án trả dứt nợ cho ngân hàng. Do ông **H** không còn khả năng thanh toán nợ nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc sử dụng thẻ đối với ông **H** theo hợp đồng cho vay trên.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông **Lê Tiến H** đã sử dụng tổng cộng số tiền là 593.147.706 đồng và đã thanh toán tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 487.441.881 đồng.

Ông **H** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **H** phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ cụ thể:

Nợ gốc là: 128.904.307 đồng

Nợ lãi là: 153.912.919 đồng.

Số tiền lãi này tính đến ngày 15/7/2026

Từ ngày 16/7/2026, ông **Lê Tiến H** còn phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ **ngân hàng Đ** ký ngày 29/7/2023, số hợp đồng LN2307279838741 cho đến khi trả hết nợ cho **Ngân hàng V**.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông **Lê Tiến H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Hợp đồng thẻ tín dụng, xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú tại **phường A** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng : Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Về thu thập chứng cứ : Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án : Nguyên đơn **Ngân hàng V** khởi kiện yêu cầu ông **H** trả số tiền vay còn thiếu theo Hợp đồng thẻ tín dụng hai bên đã ký kết cùng với

tiền lãi tổng cộng số tiền 282.817.226 đồng và thanh toán một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ yêu cầu khởi kiện, Hợp đồng thẻ tín dụng, lời trình bày của nguyên đơn, chứng cứ thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện ông **H** có vay tiền của Ngân hàng thông qua hình thức sử dụng tài khoản thẻ tín dụng. Ông **H** có sử dụng thẻ tín dụng để thanh toán tiền và giao dịch mua hàng hóa nhưng chưa trả lại tiền cho ngân hàng.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng V**.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 29/7/2023 giữa **Ngân hàng V** với ông **Lê Tiến H**, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bị đơn cư trú tại **phường A** nên Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn ông **Lê Tiến H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bị đơn ông **H** không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ. Ông **H** đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn **Ngân hàng V** để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Xét, **Ngân hàng V** yêu cầu ông **H** phải thanh toán số tiền còn nợ, cụ thể:

Nợ gốc là: 128.904.307 đồng;

Nợ lãi là: 153.912.919 đồng;

Tổng cộng: 282.817.226 đồng.

Nợ lãi này tính đến ngày 15/07/2026.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng thẻ tín dụng giữa **Ngân hàng V** với ông **H** ký ngày 29/7/2023 thể hiện: Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông **H** sử dụng số tiền là 593.147.706 đồng và đã thanh toán cho **Ngân hàng V** tổng cộng số tiền là 487.441.881 đồng. Ông **H** ngưng thanh toán từ tháng 11/2024, Ngân hàng nhiều lần gửi văn bản nhắc nợ nhưng ông **H** vẫn chưa thanh toán tiếp. Ông **H** vi phạm nghĩa vụ trả nợ được cam kết trong Hợp đồng thẻ tín

dụng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp cho **Ngân hàng V**. Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng V** là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về thời hạn thanh toán:

Xét, **Ngân hàng V** yêu cầu ông **H** thanh toán một lần số tiền nợ gốc và nợ lãi còn thiếu ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Hợp đồng thế tín dụng hai bên ký kết, ông **H** ngừng thanh toán từ tháng 11/2024 đến nay là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng V** là có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng V** được chấp nhận nên bị đơn ông **H** phải chịu án phí trên số nợ phải thanh toán là 282.817.226 đồng = 14.140.861 đồng.

H1 lại tiền tạm ứng án phí cho **Ngân hàng V**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần V**.

Buộc ông **Lê Tiến H** có trách nhiệm thanh toán cho **Ngân hàng thương mại cổ phần V** số tiền, cụ thể:

Nợ gốc : 128.904.307 đồng;

Nợ lãi quá hạn : 153.912.919 đồng;

Tổng cộng: 282.817.226 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu tám trăm mười bảy ngàn hai trăm hai mươi sáu đồng).

Nợ lãi này tính đến ngày 15/7/2026

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ ngày 16/07/2026 ông **Lê Tiến H** phải chịu lãi suất theo Hợp đồng thế tín dụng ký ngày 29/7/2023 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 14.140.861 đồng (Mười bốn triệu một trăm bốn mươi ngàn tám trăm sáu mươi một đồng) ông **Lê Tiến H** phải chịu.

H1 lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** số tiền là 5.251.404 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi một ngàn bốn trăm lẻ bốn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0046645 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP . HCM ;
- VKSND TP . HCM ;
- VKSND KV9, TP . HCM ;
- THA DS TP . HCM ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương